

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 83 /2010 / TT-BTC

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2010

THÔNG TƯ

Hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng để mua tạm trữ cà phê niên vụ 2009- 2010

- Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Quyết định số 481/QĐ-TTg ngày 13/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ mua tạm trữ cà phê niên vụ 2009-2010;

Sau khi có ý kiến tham gia của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (công văn số 1358/BNN-KH ngày 10/5/2010), Bộ Công Thương (công văn số 4479/BCT-XNK ngày 10/5/2010) và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (công văn số 3529/NHNN-TD ngày 13/5/2010), Bộ Tài chính hướng dẫn việc hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng để mua tạm trữ cà phê niên vụ 2009-2010 như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh cà phê được giao nhiệm vụ tạm trữ cà phê niên vụ 2009-2010 theo Điều 1 Quyết định số 1017/QĐ-BNN-CB ngày 21/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Điều 2. Quy định cụ thể:

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng cho các doanh nghiệp thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 1 Thông tư này để mua tạm trữ cà phê niên vụ 2009-2010 theo quy định tại Quyết định số 481/QĐ-TTg ngày 13/4/2010.

a) Số lượng cà phê được hỗ trợ lãi suất cho từng doanh nghiệp: Theo số lượng tối đa quy định tại Quyết định số 1017/QĐ-BNN-CB ngày 21/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Thời gian mua tạm trữ: từ ngày 15/4/2010 đến ngày 15/7/2010.

c) Thời gian tạm trữ: Là thời gian tạm trữ thực tế trong khoảng thời gian từ ngày 15/4/2010 đến ngày 15/10/2010.

d) Thời gian được hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng: Là thời gian tạm trữ thực tế tính từ thời điểm mua cà phê đến thời điểm bán cà phê tạm trữ nhưng không quá thời hạn ngày 15/10/2010.

đ) Giá để tính hỗ trợ: Là giá mua cà phê thực tế theo giá thị trường (không có thuế giá trị gia tăng).

Căn cứ để xác định giá mua thực tế theo giá thị trường là hợp đồng mua bán, thanh lý hợp đồng, hoá đơn mua hàng, chứng từ chuyển tiền hoặc các chứng từ có liên quan khác do doanh nghiệp xuất trình.

e) Mức hỗ trợ lãi suất :

Doanh nghiệp được giao nhiệm vụ tạm trữ cà phê theo Quyết định số 481/QĐ-TTg ngày 13/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ được vay vốn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam để thu mua cà phê tạm trữ theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại công văn số 2978/NHNN-TD ngày 21/4/2010 và được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng với mức 6% /năm.

2. Hồ sơ để xem xét hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng:

a) Công văn đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng của doanh nghiệp thu mua tạm trữ cà phê.

b) Hợp đồng vay vốn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để mua tạm trữ cà phê niên vụ 2009-2010 quy định tại Quyết định số 481/QĐ-TTg ngày 13/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Bảng kê nhập, xuất, tồn kho cà phê mua tạm trữ. Bảng kê phải có xác nhận của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi doanh nghiệp có kho tạm trữ cà phê (theo Biểu mẫu số 1 đính kèm Thông tư này).

d) Bảng kê dư nợ vay ngân hàng để mua cà phê tạm trữ và trả lãi vay ngân hàng phát sinh từ thời điểm mua đến thời điểm bán nhưng không quá thời hạn ngày 15/10/2010 và có xác nhận của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi doanh nghiệp vay vốn (theo Biểu mẫu số 2 đính kèm Thông tư này).

đ) Bảng tính toán lãi suất vay vốn ngân hàng mua cà phê tạm trữ đề nghị được hỗ trợ (theo Biểu mẫu số 3 đính kèm Thông tư này).

Trong vòng 10 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản này, Bộ Tài chính thẩm định hồ sơ và làm thủ tục hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp.

3. Trách nhiệm của các Bộ ngành trong việc thực hiện mua cà phê tạm trữ:

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Bộ Công thương, Ủy ban nhân dân các tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng, Gia Lai, Kon Tum, Đồng Nai và Hiệp hội Cà phê Ca cao Việt Nam chịu trách nhiệm kiểm tra giám sát các doanh nghiệp thực hiện mua cà phê tạm trữ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng, Gia Lai, Kon Tum, Đồng Nai chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, xác nhận bảng kê nhập xuất, tồn kho cà phê tạm trữ tại các kho đóng trên địa bàn tỉnh của các doanh nghiệp được giao nhiệm vụ tạm trữ (kể cả trường hợp doanh nghiệp không có trụ sở tại địa bàn tỉnh).

4. Trách nhiệm của doanh nghiệp thực hiện mua cà phê tạm trữ:

a) Thực hiện mua tạm trữ cà phê theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 481/QĐ-TTg ngày 13/4/2010 với sự giám sát của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân các địa phương và Hiệp hội Cà phê Ca cao Việt Nam.

b) Chịu trách nhiệm về tính xác thực của việc nhập, xuất, tồn kho cà phê tạm trữ và hợp đồng tín dụng để mua cà phê tạm trữ, đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo tại hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất.

c) Lưu giữ hồ sơ, chứng từ nhập xuất, vay vốn của ngân hàng và mở sổ sách theo dõi hạch toán riêng việc thu mua tạm trữ cà phê theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 481/QĐ-TTg ngày 13/4/2010 .

d) Nghiêm cấm việc lợi dụng mua tạm trữ để đảo kho hoặc đưa lượng cà phê mua ngoài thời gian mua tạm trữ để hưởng hỗ trợ.

đ) Chịu trách nhiệm về hiệu quả kinh doanh đối với việc mua cà phê tạm trữ.

e) Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm quy định về việc mua cà phê tạm trữ.

5. Hạch toán khoản hỗ trợ:

Khoản hỗ trợ lãi vay ngân hàng từ ngân sách nhà nước đối với số cà phê thu mua tạm trữ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ được hạch toán vào khoản thu nhập khác và chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để có hướng dẫn xử lý. /.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước;
- VP Quốc hội;
- VP TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng chống tham nhũng;
- UBND tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng, Đồng Nai;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Bộ Công Thương;
- Bộ NN & PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Tổng công ty Cà phê Việt Nam;
- Hiệp hội Cà phê Ca cao Việt Nam;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Vụ NSNN, Vụ TCNH; Vụ Pháp chế, TCT;
- Lưu: VT; Cục TCDN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TƯỚNG



Trần Văn Hiếu

Biểu số 1

**Bảng kê nhập xuất tồn kho cà phê mua theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ
tại Quyết định số 481/QĐ-TTg ngày 13/4/2010**

(Kèm theo Thông tư số 83/2010/TT-BTC ngày 08/6/2010 của Bộ Tài chính)

| Ngày nhập xuất kho | Nhập kho tạm trữ | | | Xuất kho tạm trữ | | | Tồn kho tạm trữ | | |
|-----------------------|------------------|---------|------------|------------------|---------|------------|-----------------|---------|------------|
| | Lượng | Giá mua | Thành tiền | Lượng | Giá mua | Thành tiền | Lượng | Giá mua | Thành tiền |
| Tổng cộng | | | | | | | | | |

Xác nhận của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh.....

..... Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Biểu số 2

BẢNG KÊ DƯ NỢ VAY- LÃI VAY TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VN
(Mua cà phê tạm trữ theo Quyết định số 481/QĐ-TTg ngày 13/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ)

| Số GNN- HĐTD | Ngày vay | Số dư nợ vay | Ngày trả nợ vay | Số ngày | Lãi suất (năm) | Tiền lãi phát sinh |
|--------------|----------|--------------|-----------------|---------|----------------|--------------------|
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG NN & PTNT

...Ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Biểu số 3:

**Bảng tính toán lãi suất vay ngân hàng để mua cà phê tạm trữ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ
tại Quyết định số 481/QĐ-TTg ngày 13/4/2010
(Kèm theo Thông tư số 83/2010/TT-BTC ngày 08/6/2010 của Bộ Tài chính)**

| Ngày | Nhập kho tạm trữ | | | Tồn kho tạm trữ | | Dư nợ vay NH | Trị giá tạm tính để hỗ trợ | Tỷ lệ lãi suất hỗ trợ 6% | Số ngày dự trữ | Số tiền đề nghị hỗ trợ |
|------|------------------|---------|------|-----------------|------|--------------|----------------------------|--------------------------|----------------|------------------------|
| | Lượng | Đơn giá | Tiền | Lượng | Tiền | | | | | |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10=7*8*9/360 |
| | | | | | | | | | | |

..... Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)